TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 20 tháng 7 năm 2022.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

1. Bà Hoàng Thị Thu Hường.
2. Ông Nguyễn Đình Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại phòng xét xử tầng 2 trụ sở Chi cục thuế khu vực Nam Ninh, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1974; Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị S vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh L vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 10/3/2022, Biên bản hòa giải và Bản tự khai, chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn L vào năm 1996 tại UBND xã T (huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà cũ) nay là huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, từ tháng 11/1998 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh L không tu chí làm ăn, không chăm lo đến gia đình và còn thường xuyên mắng chửi mẹ con chị. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ đầu năm 1999 vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng tôi không đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn anh L.

Tại Biên bản hòa giải, anh Phạm Văn L trình bày:

Anh xác nhận lời khai của chị S về thời gian kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân giữa vợ chồng là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nhưng không đồng ý ly hôn vì không muốn ly hôn.

Anh Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị S thống nhất được với nhau về các vấn đề sau:

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 10/9/1997. Hiện nay con chung đã trưởng thành, tự lập được nên vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Phạm Văn L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Văn L. Về con chung, về tài sản, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tống đạt đầy đủ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Văn L nhưng anh L không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh L là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn L vào năm 1996 tại UBND xã T (huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà cũ) nay là huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác nhau, từ năm 1999 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy: Giữa chị S và anh L đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, vợ chồng đã sống ly thân 23 năm, đến nay hai bên đều

xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Như vậy, hôn nhân giữa chị S và anh L đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh L không đồng ý ly hôn là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Yêu cầu xin ly hôn của chị S là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 10/9/1997. Hiện nay con chung đã trưởng thành, tự lập được, vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.3. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Văn L.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001934 ngày 16/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày: Chị Nguyễn Thị S và anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng